CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Nhiên liệu Sài Gòn

Ngày 31/12/2024	22,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.7%	**16.1%**	**8.2%**

DT thuần
Q4/24
378
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.00| -2.0%
YoY: ▼57.0| -13.0%

LN thuần
Q4/24
7.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.60| 105%
YoY: ▲ 0.60| 9.3%

LN sau thuế
Q4/24
5.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.85| 105%
YoY: ▲ 0.49| 9.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
1.6%
YoY: +/-▼ 0.8%

ROE
2024
11.6%
YoY: +/-▼ 6.7%

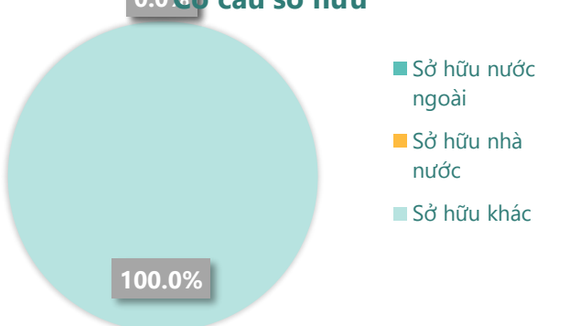
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	18,365 - 25,579
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	250
Số lượng CPLH (CP)	11,190,850
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,195
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.44
EPS	1,724
P/E	12.9

DT thuần
2024
1,594
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.00| -0.5%

LN thuần
2024
24.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.50| -9.3%

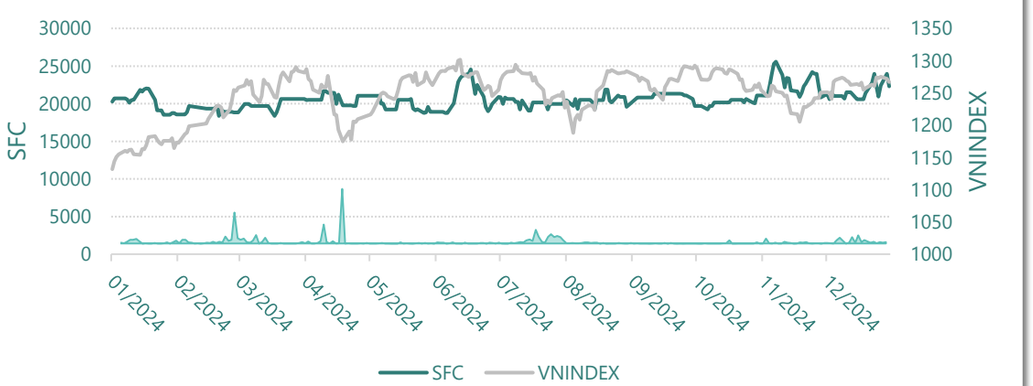
LN sau thuế
2024
19.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.9| -36.1%

Cơ cấu sở hữu

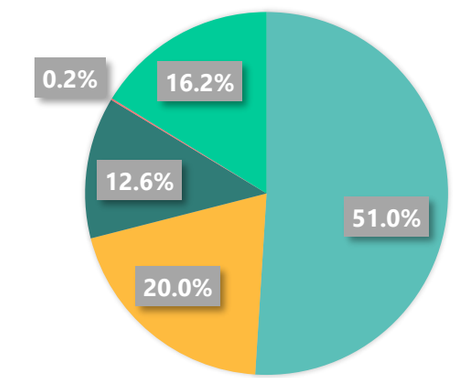


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

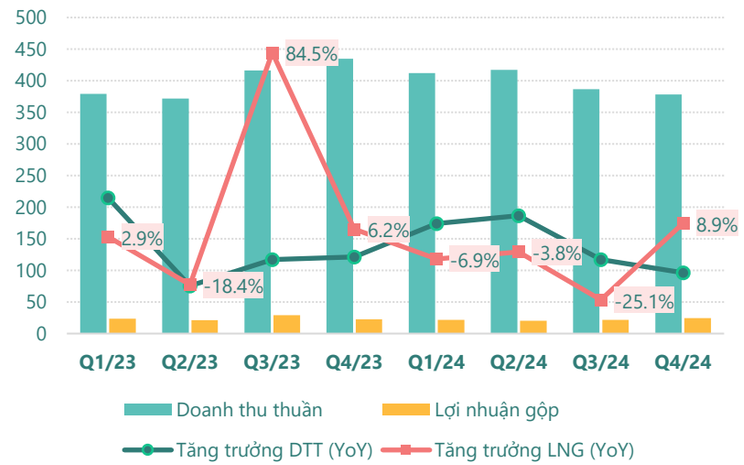


- CTCP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh
- Lê Trọng Hiếu (Chủ tịch HĐQT)
- Trần Hoàng Phượng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

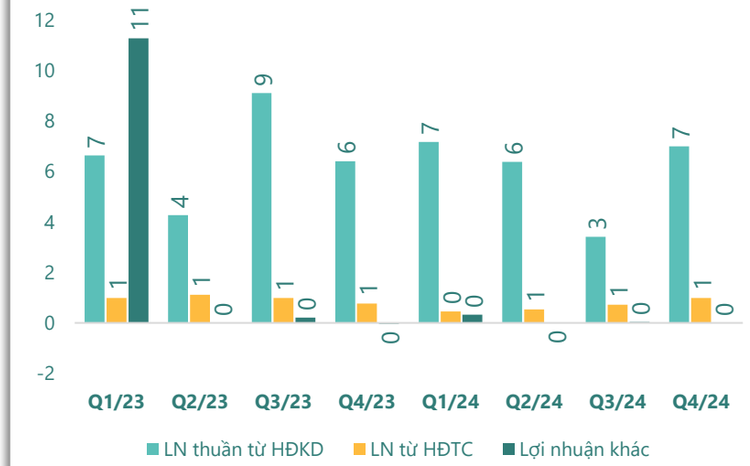
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



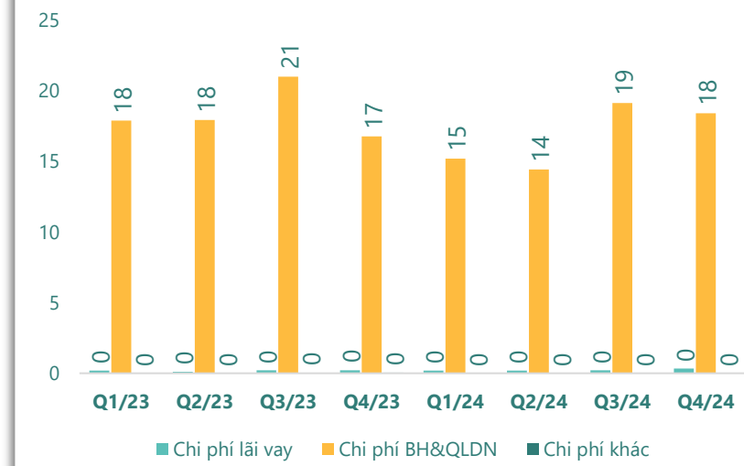
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



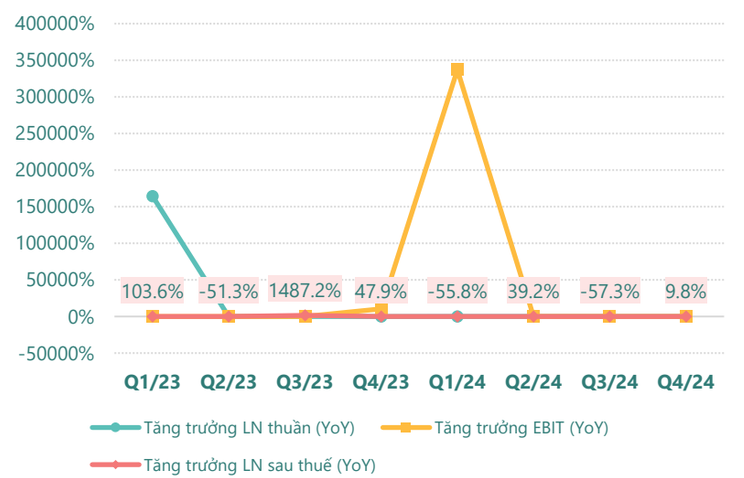
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



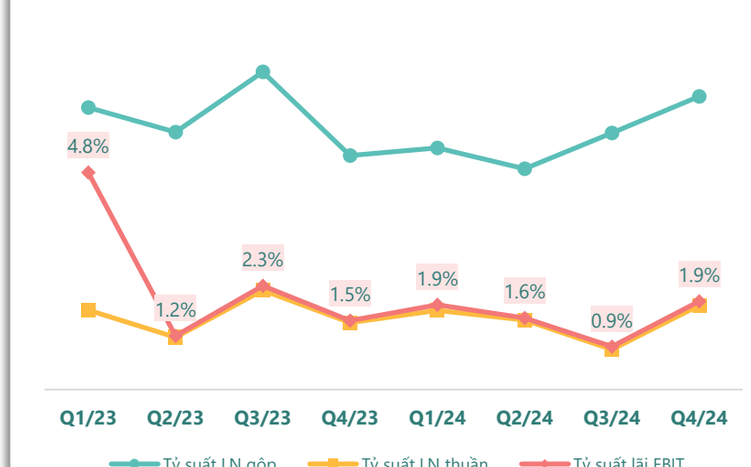
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



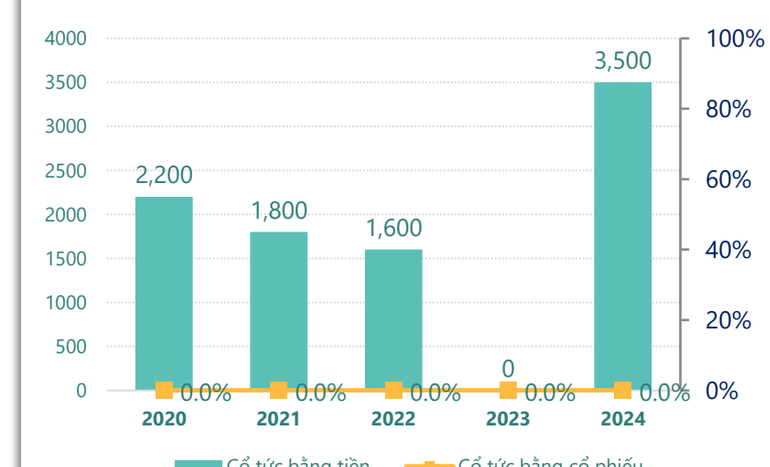
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

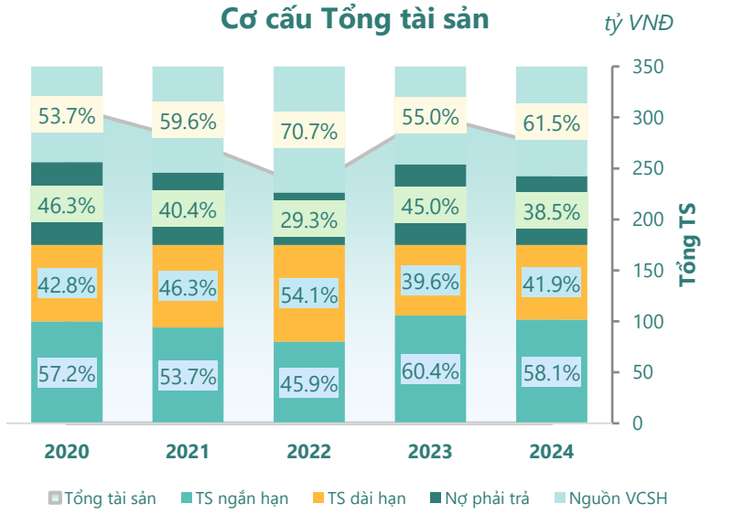
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

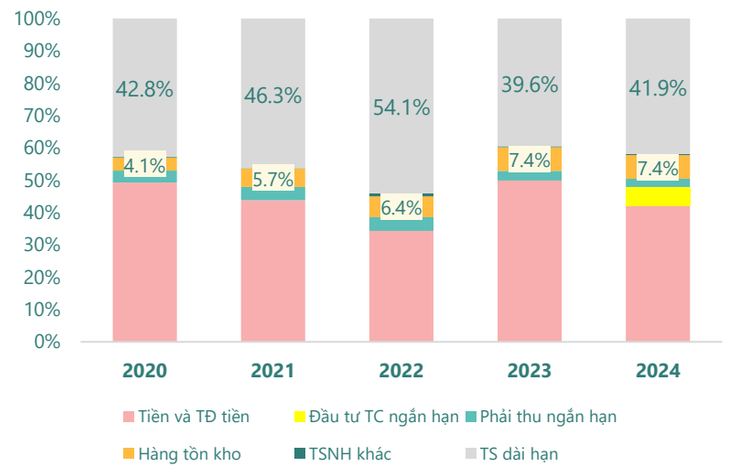
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



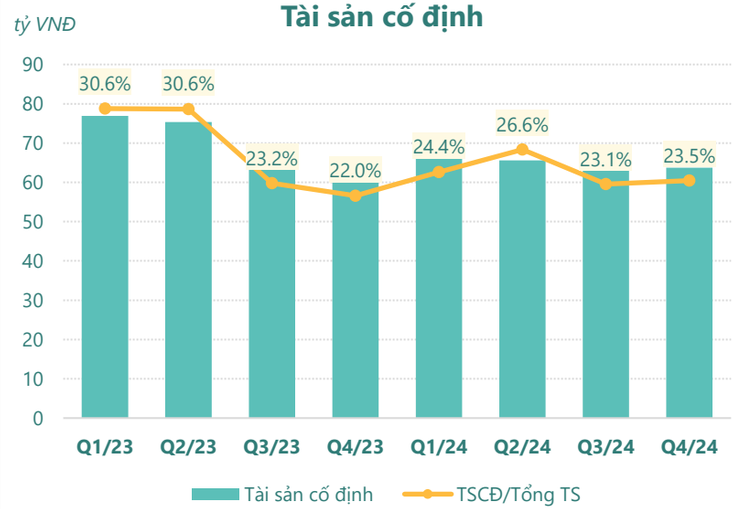
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



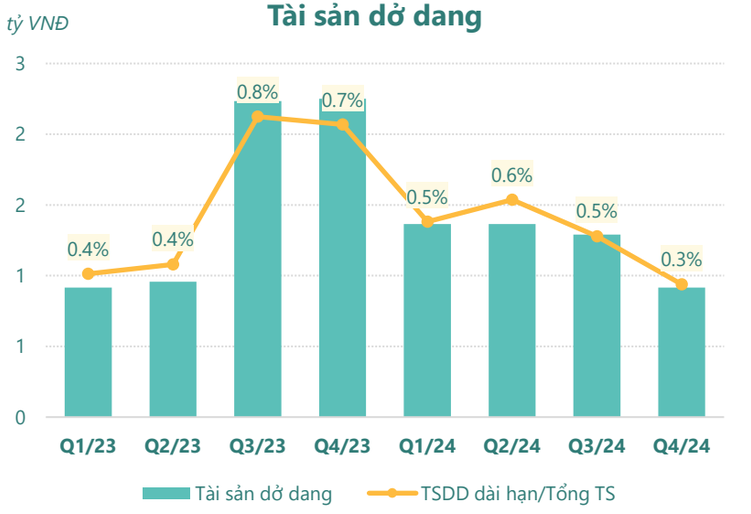
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



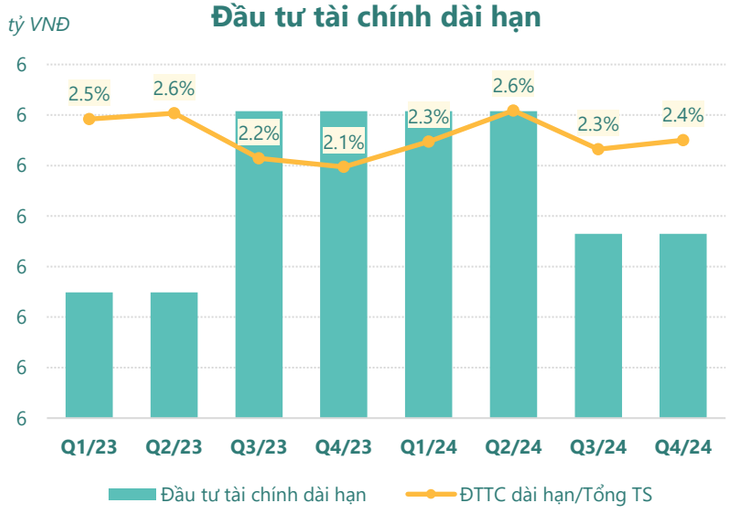
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



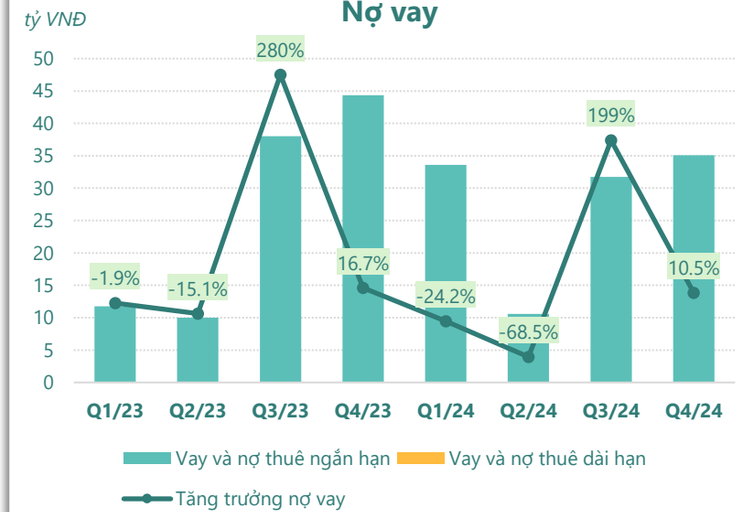
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

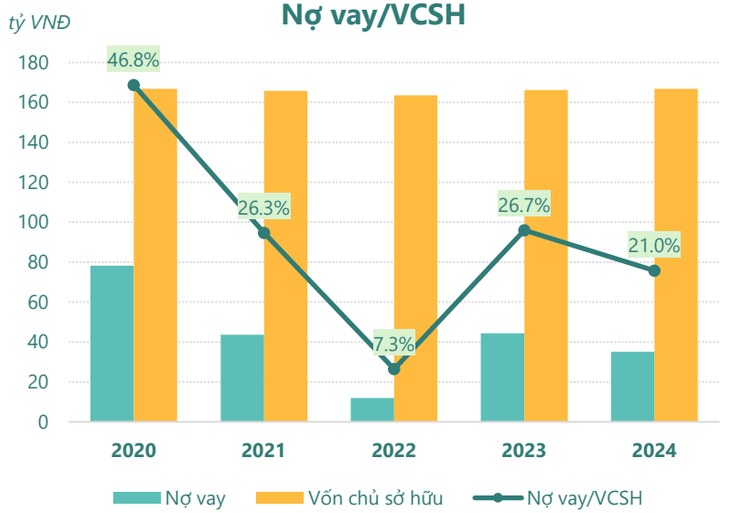
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

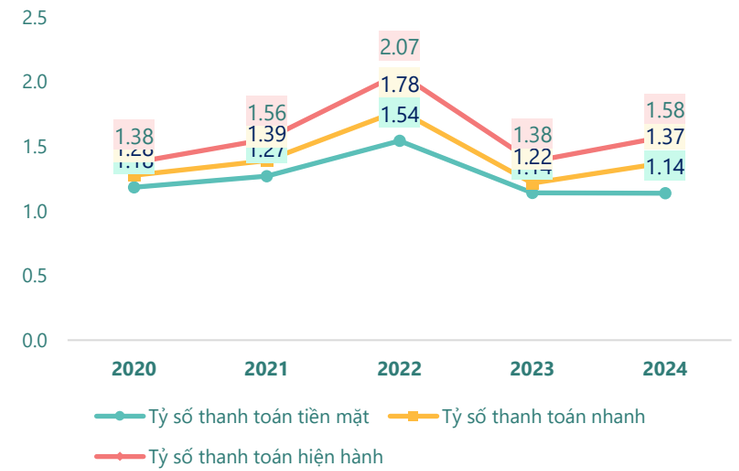
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



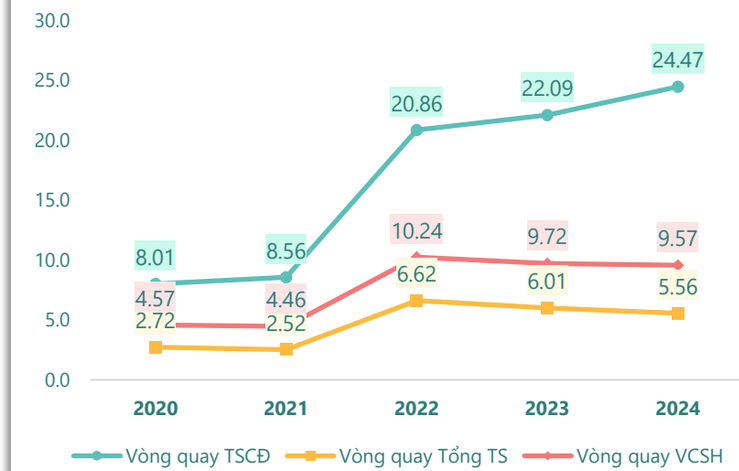
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



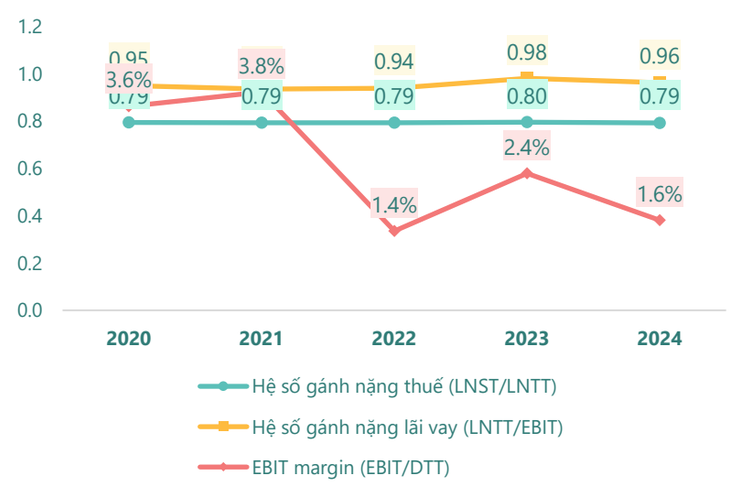
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



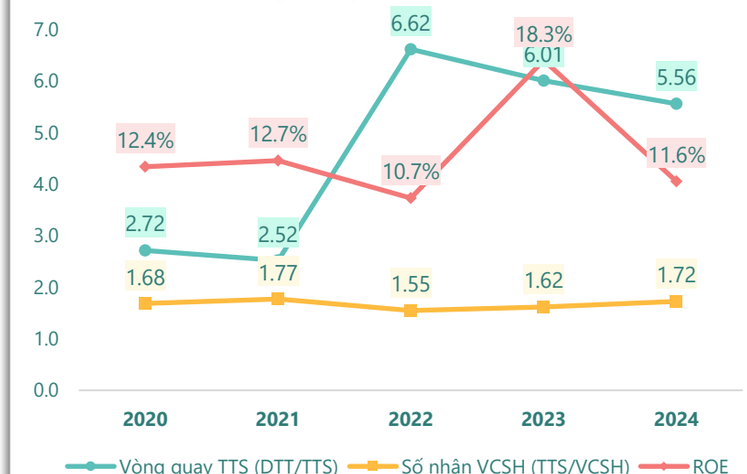
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



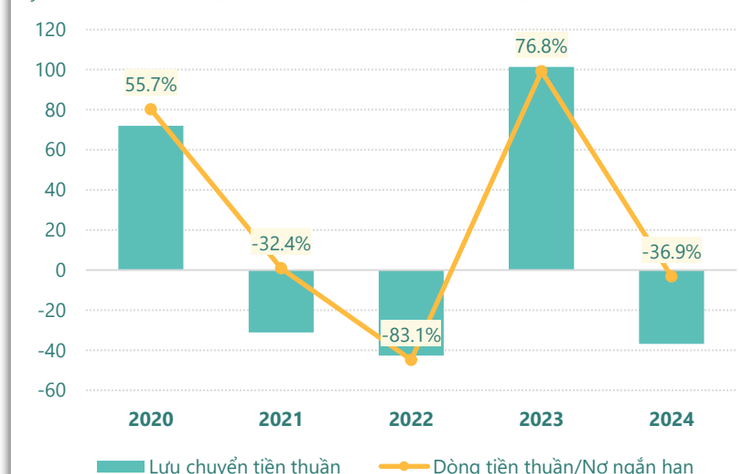
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**378**	**435**	**-13.0%**	**1,594**	**1,602**	**-0.5%**
Giá vốn hàng bán	354	413	-14.3%	1,505	1,506	0.0%
Lợi nhuận gộp	24.4	22.4	9.1%	88.5	96.3	-8.0%
Doanh thu HĐTC	1.33	0.99	34.3%	3.71	4.52	-18.0%
Chi phí TC	0.34	0.22	54.4%	1.01	0.66	51.9%
Chi phí lãi vay	0.34	0.22	54.4%	0.94	0.74	28.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	14.1	13.8	1.9%	53.6	61.3	-12.6%
Chi phí QLDN	**4.37**	**2.95**	**48.0%**	**13.7**	**12.4**	**10.3%**
LN thuần từ HĐKD	7.01	6.41	9.3%	24.0	26.5	-9.3%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.03**	**105%**	**0.36**	**11.5**	**-96.8%**
LN trước thuế	7.01	6.38	9.8%	24.3	37.9	-35.8%
Lợi nhuận sau thuế	**5.55**	**5.06**	**9.6%**	**19.3**	**30.2**	**-36.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.55**	**5.06**	**9.6%**	**19.3**	**30.2**	**-36.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.4	1.19	9.49	-1.67	13.1	5.24
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.0	0.50	0.25	0.19	0.59	-15.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	28.0	6.34	-33.2	-23.0	21.1	-13.5
Tiền đầu kỳ	84.2	143	151	127	103	138
Lưu chuyển tiền thuần	**58.4**	**8.03**	**-23.5**	**-24.5**	**34.8**	**-23.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	143	151	127	103	138	114

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**271**	**302**	**-10.3%**
Tài sản ngắn hạn	158	183	-13.8%
Tiền và tương đương tiền	114	151	-24.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.1	0	
Phải thu ngắn hạn	6.72	9.08	-26.1%
Hàng tồn kho	20.1	22.2	-9.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.83	0.73	14.0%
Tài sản dài hạn	**114**	**120**	**-5.0%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	63.7	66.5	-4.2%
Bất động sản đầu tư	34.7	35.9	-3.4%
Tài sản dở dang	0.92	2.25	-59.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.39	6.44	-0.8%
Tài sản dài hạn khác	**7.82**	**8.45**	**-7.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	104	136	-23.3%
Nợ ngắn hạn	**100.0**	**132**	**-24.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35.1	44.3	-20.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.6	18.8	-17.2%
Nợ dài hạn	4.40	4.15	6.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**167**	**166**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**167**	**166**	**0.3%**
Vốn điều lệ	113	113	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)